

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**I. Tên ngành:** Dược

**II. Mã ngành, nghề:** 6720201

**III. Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**IV. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT/tương đương

**V. Thời gian đào tạo:** 3 năm học

**VI. Mục tiêu đào tạo**

## **1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo người Dược sỹ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Kiến thức nghề nghiệp**

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;

- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;

- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;

- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);

- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;

- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xa hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

## 2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định

- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Huy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;

- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Bán lẻ thuốc;
- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;
- Thủ kho dược và vật tư y tế;
- Kinh doanh dược phẩm;
- Sản xuất thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

**VII. Thời gian khóa học:** Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định trong chương trình

### VIII. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Số lượng môn học: 32 môn học bắt buộc; 2/4 môn học tự chọn (có 4 môn học tự chọn, Sinh viên chọn 2 trong 4 môn)
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95 Tín chỉ (2.507 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.976 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 842 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 965 giờ; Thực tập lâm sàng/cộng đồng: 628 giờ; Kiểm tra, thi: 72 giờ

### IX. Danh mục và thời lượng các môn học

Mã môn học	Tên Môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)				
			Tổng số	Lý thuyết	T.hành/ T.nghiệm/	Thực tập	Kiểm tra

					<b>T.luận/ Bài tập</b>		
<b>Tổng số</b>		<b>95</b>	<b>2507</b>	<b>842</b>	<b>965</b>	<b>628</b>	<b>72</b>
<b>1</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>		<b>23</b>
MH1	Chính trị	4	75	41	29		5
MH2	GDTC	2	60	5	51		4
MH3	Tin học	3	75	15	58		2
MH4	Pháp luật	2	30	18	10		2
MH5	TACB	5	120	42	72		6
MH6	GDQP-AN	3	75	36	35		4
<b>2</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>						
<b>2.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>24</b>	<b>496</b>	<b>260</b>	<b>222</b>	<b>0</b>	<b>14</b>
MH7	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	32	31			1
MH8	Hoá hữu cơ	3	64	31	31		2
MH9	Viết và đọc tên thuốc	2	48	15	32		1
MH10	Thực vật dược	4	92	30	60		2
MH11	Hóa phân tích I	3	64	31	31		2
MH12	Hóa sinh	2	32	31			1
MH13	Hóa phân tích II	3	77	15	60		2
MH14	Y học 1	2	40	31	8		1
MH15	Y học 2	3	47	45			2
<b>2.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>48</b>	<b>1480</b>	<b>395</b>	<b>424</b>	<b>628</b>	<b>33</b>
MH16	Dược liệu 1	3	64	30	32		2
MH17	Dược liệu 2	2	48	15	32		1
MH18	Hóa dược - Dược lý I	4	80	46	32		2
MH19	Hóa dược - Dược lý II	4	92	30	60		2
MH20	QL tồn trữ và phân phối thuốc	2	52	19	32		1
MH21	Hóa dược - Dược lý III	4	96	34	60		2
MH22	Bào chế 1	3	64	30	32		2

MH23	Bào chế 2	3	64	30	32		2
MH24	Kiểm nghiệm	3	80	30	48		2
MH25	Dược lâm sàng	2	40	39			1
MH26	Quản lý dược	2	32	31			1
MH27	Kinh tế dược	2	48	15	32		1
MH28	Kỹ năng giao tiếp	2	48	15	32		1
MH29	Marketing dược	2	48	15	32		1
MH30	Thực tế ngành	8	480			427	8
<b>3</b>	<b>Các môn học tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>96</b>	<b>30</b>	<b>64</b>		<b>2</b>
MH31	Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học	2	48	15	32		1
MH32	Khởi tạo doanh nghiệp	2	48	15	32		1
MH33	Thực phẩm chức năng	2	48	15	32		1
MH34	Dược cổ truyền	2	48	15	32		1